

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thuốc theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp thuốc năm 2025 lần 1;
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm;
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 12/8/2024
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: DS. Nguyễn Trần Bảo Trâm

Số điện thoại: (028) 3952.5955

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy phép lưu hành sản phẩm/giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./

Nơi nhận:

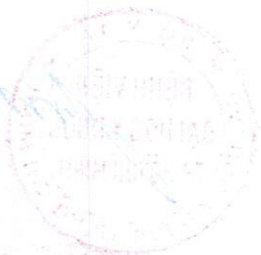
- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD (B17-295-ntbtram) (02).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG KHOA DƯỢC



TGS TS DS. Đặng Nguyễn Đoàn Trang





PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Đính kèm Công văn số 36.23/BVĐHYD-KD ngày 01... tháng 8. năm 2024)

Stt	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
1	Alpha amylase + Papaine	1/2/3/4/5/BDG	Alpha amylase 100mg; Papaine 50mg/5ml; 60 ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	100
2	Alpha amylase + Papaine	1/2/3/4/5/BDG	Alpha-amylase 20mg/ml; Papaine 10mg/ml; 15ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	100
3	Azathioprin	1/2/3/4/5/BDG	50mg	Uống	Viên	Viên	10.000
4	Aztreonam	1/2/3/4/5/BDG	1g	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	804
5	Baclofen	1/2/3/4/5/BDG	0,05mg/ml, 1ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	80
6	Baclofen	1/2/3/4/5/BDG	40mg/ml, 20ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	4
7	Natri bicarbonat	1/2/3/4/5/BDG	500mg	Uống	Viên	Viên	6.000
8	Bisoprolol + Amlodipin	1/2/3/4/5/BDG	5mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	5.000
9	Brevibloc	1/2/3/4/5/BDG	100mg/ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	12
10	Cyclopentolate	1/2/3/4/5/BDG	0,01	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ	12
11	Cyclophosphamid	1/2/3/4/5/BDG	50mg	Uống	Viên	Viên	14.400
12	Dehydrated Alcohol	1/2/3/4/5/BDG	99%	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	500
13	Desmopressin	1/2/3/4/5/BDG	4mcg/ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	48
14	Dexmedetomidine	1/2/3/4/5/BDG	200mcg/2ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	300
15	Digoxin	1/2/3/4/5/BDG	50mcg/ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ ống	100
16	Edaravone	1/2/3/4/5/BDG	30mg/20ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	128
17	Eosine	1/2/3/4/5/BDG	2% 2ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ lọ/ ống	200
18	Epoprostenol	1/2/3/4/5/BDG	1,5mg	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	600
19	Erythromycin	1/2/3/4/5/BDG	500mg	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	100
20	Esmolol	1/2/3/4/5/BDG	100mg/10ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	20
21	Flumazenil	1/2/3/4/5/BDG	0,5mg/5ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	24



22

Stt	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
22	Flumazenil	1/2/3/4/5/BDG	1mg/10ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	10
23	Fluorescite	1/2/3/4/5/BDG	100mg/ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	200
24	Fomepizole	1/2/3/4/5/BDG	1,5g/1,5ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	34
25	Fondaparinux sodium	1/2/3/4/5/BDG	2,5mg/0,5ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	100
26	Glucagon (dưới dạng hydrochloride)	1/2/3/4/5/BDG	1 mg (1 đơn vị quốc tế, IU)	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	70
27	Glycopyrrolate	1/2/3/4/5/BDG	0,2mg/ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	250
28	Human Tetanus Immunoglobulin	1/2/3/4/5/BDG		Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	500
29	Hydralazin	1/2/3/4/5/BDG	25mg	Uống	Viên	Viên	1.400
30	Isavuconazole	1/2/3/4/5/BDG	100mg	Uống	Viên	Viên	52
31	Isavuconazole	1/2/3/4/5/BDG	200 mg (tương đương 372,6 mg Isavuconazole sulfate)	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	50
32	Isoprenalin	1/2/3/4/5/BDG	0,2mg/ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	20
33	Labetalol HCl	1/2/3/4/5/BDG	5mg/ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	270
34	Lauromacrogol	1/2/3/4/5/BDG	10mg/2ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	100
35	Lauromacrogol	1/2/3/4/5/BDG	40mg/2ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	100
36	Levetiracetam	1/2/3/4/5/BDG	500mg	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	1.076
37	Melatonin	1/2/3/4/5/BDG	3mg	Uống	Viên	Viên	2.000
38	Methotrexat	1/2/3/4/5/BDG	2.5mg	Uống	Viên	Viên	500
39	Methotrexat	1/2/3/4/5/BDG	5mg	Uống	Viên	Viên	500
40	Methylene Blue	1/2/3/4/5/BDG	10mg/ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	220
41	Midodrine	1/2/3/4/5/BDG	2.5mg	Uống	Viên	Viên	300
42	Minocycline	1/2/3/4/5/BDG	100mg	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	400
43	Budesonid, glycopyrronium, formoterol fumarat dihydrat	1/2/3/4/5/BDG	Mỗi liều phóng thích chứa: budesonid 160mcg, glycopyrronium 7,2mcg, formoterol fumarat dihydrat 5mcg	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mũ định liều	Bình/ Chai/Lọ/ Hộp	200
44	Nitrofurantoin	1/2/3/4/5/BDG	100mg	Uống	Viên	Viên	500
45	Nitroprusside	1/2/3/4/5/BDG	25mg/ml (2mL/ ống)	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	650

Stt	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
46	NorAdrenalin	1/2/3/4/5/BDG	1mg/ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	52.000
47	Posaconazole	1/2/3/4/5/BDG	100mg	Uống	Viên nén phóng thích chậm	Viên	540
48	Prothrombin complex concentrate (human)	1/2/3/4/5/BDG		Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	100
49	Recombinant Human Epidermal Growth Factor	1/2/3/4/5/BDG	0,075mg	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	80
50	Roflumilast	1/2/3/4/5/BDG	500mcg	Uống	Viên	Viên	63
51	Sildenafil	1/2/3/4/5/BDG	20mg	Uống	Viên	Viên	300
52	Sirolimus	1/2/3/4/5/BDG	2mg	Uống	Viên	Viên	63
53	Somatropin	1/2/3/4/5/BDG	5mg/1.5ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	900
54	Sulbactam	1/2/3/4/5/BDG	500mg	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	2.000
55	Testosterone undecanoaten	1/2/3/4/5/BDG	40mg	Uống	viên	Viên	1.000
56	Tetracosactide	1/2/3/4/5/BDG	0.25mg/1mL (1mL)	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	200
57	Natri clorid, Natri gluconate, Natri acetate trihydrate, Kali clorid, Magie clorid)	1/2/3/4/5/BDG	Trong 100ml dịch truyền tĩnh mạch: Natri clorid 526mg, Natri gluconate 502mg, Natri acetate trihydrate 368mg, Kali clorid 37mg, Magie clorid 30mg)	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	12
58	Urokinase	1/2/3/4/5/BDG	60.000IU	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	50
59	Vasopresin (Argipressin)	1/2/3/4/5/BDG	20 IU/1ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi	72
60	Voriconazole	1/2/3/4/5/BDG	50mg	Uống	Viên	Viên	320
61	Vắc xin phòng bạch hầu, ho gà (vô bào), uốn ván, bại liệt	1/2/3/4/5/BDG	Mỗi liều 0.5ml chứa: - >=30UI biến độc tố bạch hầu, - >= 40UI biến độc tố uốn ván, - Kháng nguyên Bordetella pertussis: biến độc tố ho gà: 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg - Virus bại liệt bất hoạt: type 1: 40 DU, type 2 : 8 DU, type 3: 32 DU	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	120
62	Vắc xin phòng bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: ≥ 20 IU, Giải độc tố uốn ván: ≥ 40 IU, Kháng nguyên Bordetella pertussis giải độc tố ho gà 25mcg; ngưng kết hồng cầu dạng sợi 25mcg ;Virus bại liệt bất hoạt Tuýp 1: 40DU, tuýp 2: 8DU, tuýp 3: 32 DU; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae tuýp b 12mcg cộng	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	700



ph

Stt	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
			hợp với protein uốn ván 22-36 mcg				
63	Vắc xin phòng bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml chứa: Biến độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Biến độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg và Pertacin (PRN) 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBV) 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40 DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8 DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32 DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang (PRP-TT)	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	1.300
64	Vắc xin phòng bệnh do phế cầu (polysaccharide của Streptococcus Pneumoniae)	1/2/3/4/5/BDG	Một liều (0,5ml) chứa 1mcg polysaccharide của các typ huyết thanh 11,2, 51,2,6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 14I,2, 23F1,2 và 3mcg của các typ huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	1.100
65	Vắc xin phòng bệnh do phế cầu (polysaccharide của Streptococcus Pneumoniae)	1/2/3/4/5/BDG	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	1.000
66	Vắc xin phòng bệnh do phế cầu (polysaccharide của Streptococcus Pneumoniae) liên hợp với protein vận chuyển CRM197	1/2/3/4/5/BDG	Mỗi bơm tiêm chứa 1 liều đơn 0,5ml có chứa 2,2mcg mỗi loại trong số 13 loại huyết thanh polysaccharide: 1, 3, 4, 5, 6A, 6B, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 23F; Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	4.050
67	Vắc xin phòng bệnh thương hàn (Polysaccharide của Salmonella Typhi)	1/2/3/4/5/BDG	25mcg/0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	300
68	Vắc xin phòng cúm mùa (4 chủng)	1/2/3/4/5/BDG	15mcg HA/chủng/liều; Các chủng virus theo khuyến cáo của WHO và liên minh châu Âu cho cúm mùa hàng năm	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	4.150
69	Vắc xin phòng cúm mùa (4 chủng) dạng mảnh, bất hoạt	1/2/3/4/5/BDG	15mcg HA/chủng/liều; Các chủng virus theo khuyến cáo của WHO và liên minh châu Âu cho cúm mùa hàng năm	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	3.170
70	Vắc xin phòng lao	1/2/3/4/5/BDG	1ml/10Liều	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	1.090
71	Vắc xin phòng não mô cầu typ A, C, Y W135 + giải độc tố bạch hầu	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/bơm tiêm/ống	710

Stt	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
72	Vắc xin phòng Não mô cầu type B, C	1/2/3/4/5/BDG	- Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50mcg - Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	200
73	Vắc xin phòng Sởi (Virus sởi sống, giảm độc lực, chủng AIK-C)	1/2/3/4/5/BDG	≥ 1000 PFU/liều 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	250
74	Vắc xin phòng sởi, quai bị, rubella (cho trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên)	1/2/3/4/5/BDG	≥ 1.000 CCID50; ≥ 12.500 CCID50; ≥ 1.000 CCID50	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	1.100
75	Vắc xin phòng Thủy đậu Varicella	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml chứa: Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq$ $10^{3.3}$ PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	250
76	Vắc xin phòng Thủy đậu Varicella	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml chứa: Oka/Merck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	1.000
77	Vắc xin phòng uốn vấn, bạch hầu và ho gà (vô bào)	1/2/3/4/5/BDG	Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tổ ho gà 8 mcg; Filamentous Haemagglutinin 8 mcg; Pertactin 2,5 mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	1.510
78	Vắc xin phòng uốn vấn, bạch hầu và ho gà (vô bào)	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Giải độc tố uốn ván 5Lf; Ho gà vô bào, gồm giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; FHA 5mcg; PRN 3mcg; FIM 5mcg.	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	630
79	Vắc xin phòng viêm dạ dày, ruột do Rotavirus	1/2/3/4/5/BDG	Mỗi liều 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID50	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/ lọ/ ống	800
80	Vắc xin phòng viêm dạ dày, ruột do Rotavirus	1/2/3/4/5/BDG	2ml chứa: Rotavirus G1 human- bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/ lọ/ ống	700
81	Vắc xin phòng viêm gan A (chủng GBM)	1/2/3/4/5/BDG	80U/0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	350
82	Vắc xin phòng viêm gan siêu vi A+B	1/2/3/4/5/BDG	720 đơn vị Elisa virus viêm gan A bất hoạt; 20mcg kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	890
83	Vắc xin phòng Viêm gan siêu vi B	1/2/3/4/5/BDG	10mcg/0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	5.770
84	Vắc xin phòng Viêm gan siêu vi B	1/2/3/4/5/BDG	20mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	5.020
85	Vắc xin phòng viêm não Nhật Bản	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml/1Liều	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	700
86	Vắc xin phòng virus HPV týp 6, 11, 16, 18, cho trẻ em và	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	700

Stt	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
	phụ nữ trong độ tuổi 9-26 tuổi						
87	Vắc xin phòng virus HPV týp 6, 11, 16, 18, 31, 33, 45, 52 và 58	1/2/3/4/5/BDG	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	2.200
88	Vắc xin uốn ván hấp phụ	1/2/3/4/5/BDG	40IU/0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/ bơm tiêm/ống	990